

Bản án số: 891/2024/DS-ST
Ngày: 12/9/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Mai
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 319/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 441/2024/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 401/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T- Chức vụ Tổng giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T (Giấy ủy quyền số 763/2024/UQ-TGD ngày 16/01/2024). (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lương Huỳnh Thiên K; địa chỉ: Số A đường Số B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Đức Th trình bày:

Ngày 08/11/2019 bà Lương Huỳnh Thiên K có ký với Ngân hàng TMCP S Tín (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – sau đây được viết tắt là hợp đồng tín dụng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.766%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 338.531.160 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Bà K phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 331.062.105 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ và giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 16.789.190 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 16.789.190 đồng với lãi suất quá hạn là 4.149%/ tháng ($2.766\% * 150\%$) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Bà K thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 12/9/2024 là 30.697.371 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 16.789.190 đồng; Lãi quá hạn: 13.908.181 đồng. Yêu cầu bà K tiếp tục thanh toán lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bà Lương Huỳnh Thiên K tại địa chỉ số A đường Số B, Phường C, quận G, TP. Hồ Chí Minh, nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn, cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 18/7/2024 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiếp tục tổ chức phiên hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn theo quy định pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/11/2019 được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 11/11/2019, xác định bà Lương Huỳnh Thiên K có sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S với mức tín dụng được Ngân hàng phê duyệt là 15.000.000 đồng.

Căn cứ vào bản Tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp tính đến ngày 12/9/2024 Bà K còn nợ Ngân hàng với số tiền là 30.697.371 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 16.789.190 đồng; Lãi quá hạn: 13.908.181 đồng, việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bà Lương Huỳnh Thiên K đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng S

Do đó căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lương Huỳnh Thiên K thanh toán các khoản nợ còn thiếu và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/11/2019

cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn khởi kiện yêu cầu bà Lương Huỳnh Thiên K trả toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ giao dịch sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 30.697.371 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh của Công an Phường N, quận G tại địa chỉ M đường T, Phường N, quận G (Địa chỉ được ghi trong đơn khởi kiện) Bà K không đăng ký thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú. Căn cứ kết quả xác minh Công an Phường C quận G, TP. Hồ Chí Minh thể hiện bà Lương Huỳnh Thiên K có hộ khẩu thường trú tại Số A đường Số B, Phường C, quận G. Hiện không thực tế cư trú đã bán nhà chuyển đi từ năm 2021, đi đâu không rõ. Như vậy, bà K thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Việc bà K thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận G, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm (có đơn xin vắng mặt). Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán đối với khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ giao dịch sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, theo hợp đồng tín dụng ký ngày 08/11/2019 và được Ngân hàng phê duyệt ngày 11/11/2019. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng do Bà K ký ngày 08/11/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 15/8/2016; biểu phí dịch vụ sử dụng thẻ tín dụng; bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ của khách hàng, đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với bà Lương Huỳnh Thiên K có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng ngày 08/11/2019, được Ngân hàng phê duyệt ngày

11/11/2019 và Bà K đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.766%/ tháng.

Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và phù hợp với quy định tại Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại bản sao kê tài khoản chứng minh giao dịch và thanh toán của khách hàng theo hợp đồng tín dụng ký ngày 08/11/2019, thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng số tiền bà K thực hiện các giao dịch và được Ngân hàng chấp nhận với tổng số tiền là 338.531.160 đồng. Bà K đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 331.062.105 đồng (Chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Ngân hàng thu khoản nợ trên phù hợp với quy định tại Điều 20 bản điều kiện và điều khoản phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do Bà K không thanh toán nợ còn lại là vi phạm Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện nên ngày 23/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà K thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Bà K không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà K đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng ký ngày 08/11/2019 đương Ngân hàng phê duyệt ngày 11/11/2019, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; bản điều kiện và điều khoản; các chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp để xác định bà Kim đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà K thanh toán khoản nợ và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 30.697.371 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 16.789.190 đồng; Lãi quá hạn: 13.908.181 đồng và kể từ ngày 13/9/2024 yêu cầu Bà K tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, bà Lương Huỳnh Thiên K vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Kim thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lương Huỳnh Thiên K trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S

toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/9/2024 là 30.697.371 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 16.789.190 đồng; Lãi quá hạn: 13.908.181 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/9/2024 bà Lương Huỳnh Thiên K phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán khoản nợ là 30.697.371 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 1.534.868 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.218 đồng theo biên lai thu số 0012942 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;
- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc bà Lương Huỳnh Thiên K trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/9/2024 là 30.697.371

đồng (Ba mươi triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi một đồng). Trong đó: Nợ gốc: 16.789.190 đồng; Lãi quá hạn: 13.908.181 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/9/2024 bà Kim phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Huỳnh Thiên K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.534.868 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.218 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm mười tám đồng) theo biên lai thu số 0012942 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Lương Huỳnh Thiên K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thành Hué

